



DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 871/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

3. TỈNH QUẢNG TRỊ

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng		396	155	396	178
1	Xã Dân Hóa		14	14	14	14
		1	Bản Bãi Dinh	X	X	X
		2	Bản K-Vi	X	X	X
		3	Bản Y Leng	X	X	X
		4	Bản Hà Nông	X	X	X
		5	Bản La Trọng	X	X	X
		6	Bản Hưng Hóa	X	X	X
		7	Bản Ra Mai	X	X	X
		8	Bản Cha Lo	X	X	X
		9	Bản Ba Loóc	X	X	X
		10	Bản Rông	X	X	X
		11	Bản Cha Cáp	X	X	X
		12	Bản K-Oóc	X	X	X
		13	Bản Dộ - Tà Vòng	X	X	X
		14	Bản Lôm - K Chăm	X	X	X
2	Xã Kim Điền		5	4	5	5
		1	Bản Hóa Lương	X	X	X
		2	Thôn Hóa Sơn	X	X	X
		3	Thôn Đa Năng	X	X	X
		4	Thôn Hóa Hợp		X	X
		5	Thôn Lâm Sum	X	X	X
3	Xã Kim Phú		12	1	12	5
		1	Bản Yên Hợp	X	X	X
		2	Thôn Phú Nhiêu		X	X
		3	Thôn Tiến Nhất		X	
		4	Thôn Trung Hóa		X	
		5	Thôn Bình Minh		X	X
		6	Thôn Tân Thiện		X	
		7	Thôn Kim Bảng		X	
		8	Thôn Tân Hóa		X	X
		9	Thôn Yên Thọ		X	X
		10	Thôn Thanh Liêm		X	
		11	Thôn Tiền Phong		X	
		12	Thôn Cổ Liêm		X	
4	Xã Minh Hóa		14	0	14	8
		1	Thôn Phong Hóa		X	X
		2	Thôn Hồng Hóa		X	X
		3	Thôn Tân Kiều		X	X

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Yên Đức		X	
		5	Thôn Yên Hóa		X	
		6	Thôn Minh Thắng		X	
		7	Thôn Minh Tiên		X	
		8	Thôn Quy Đạt		X	
		9	Thôn Hồng Minh		X	
		10	Thôn Thanh Long		X	X
		11	Thôn Ba Nương		X	X
		12	Thôn Hợp Lợi		X	X
		13	Thôn Tiến Hóa		X	X
		14	Thôn Minh Xuân		X	X
5	Xã Tân Thành		7	5	7	6
		1	Thôn Tân Sơn	X	X	X
		2	Thôn Tân Yên	X	X	X
		3	Thôn Yên Thái	X	X	X
		4	Thôn Hóa Tiến	X	X	X
		5	Thôn Hóa Thanh		X	X
		6	Thôn Kiên Trinh	X	X	X
		7	Thôn Hóa Phúc (được đổi tên		X	
6	Xã Thượng Trạch		13	13	13	13
		1	Bản Ban	X	X	X
		2	Bản Cà Roòng	X	X	X
		3	Bản Coóc	X	X	X
		4	Bản Bụt	X	X	X
		5	Bản Nồông	X	X	X
		6	Bản Tuộc	X	X	X
		7	Bản Cờ Đỏ	X	X	X
		8	Bản Chấm Pu	X	X	X
		9	Bản Cồn Roàng	X	X	X
		10	Bản Troi	X	X	X
		11	Bản A Ky	X	X	X
		12	Bản Tân Trạch (được đổi tên từ Bản 39)	X	X	X
		13	Bản Đoòng	X	X	X
7	Xã Tuyên Phú		9	0	9	1
		1	Thôn Đồng Hóa		X	
		2	Thôn Thiết Sơn		X	
		3	Thôn Thạch Hóa		X	
		4	Thôn Huyền Thủy		X	
		5	Thôn Phúc Đồng		X	
		6	Thôn Đức Hóa		X	
		7	Thôn Đức Phú		X	
		8	Thôn Nam Hóa		X	
		9	Thôn Đồng Phú		X	X
8	Xã Tuyên Bình		9	0	9	5
		1	Thôn Hòa Thuận		X	
		2	Thôn Xuân Mai		X	
		3	Thôn Mai Hóa		X	
		4	Thôn Liên Sơn		X	
		5	Thôn Ngự Hóa		X	X
		6	Thôn Minh Cầm		X	X

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Thôn Minh Cẩm Trang		X	X
		8	Thôn Nam Phong		X	X
		9	Thôn Tân Hóa		X	X
9	Xã Tuyên Sơn		5	0	5	3
		1	Thôn 1 Thanh Thạch		X	X
		2	Thôn 2 Thanh Thạch		X	X
		3	Thôn Tân Ấp		X	X
		4	Thôn Tân Hương		X	
		5	Thôn Tân Đức		X	
10	Xã Tuyên Lâm		8	3	8	6
		1	Bản Ka Tang	X	X	X
		2	Thôn Thanh Lạng		X	X
		3	Thôn Thanh Hóa		X	X
		4	Thôn Bắc Sơn		X	
		5	Thôn Sơn Hà		X	X
		6	Bản Cà Xen	X	X	X
		7	Thôn Lâm Hóa (được đổi tên		X	
		8	Bản Kè	X	X	X
11	Xã Tuyên Hóa		11	0	11	0
		1	Thôn Cao Hóa		X	
		2	Thôn Cao Quảng		X	
		3	Thôn Châu Hóa		X	
		4	Thôn Phong Châu		X	
		5	Thôn Tiên Phong		X	
		6	Thôn Tiến Hóa		X	
		7	Thôn Thanh Phong		X	
		8	Thôn Minh Phong		X	
		9	Thôn Hồng Phong		X	
		10	Thôn Lệ Sơn		X	
		11	Thôn Văn Hóa		X	
12	Xã Tân Gianh		9	0	9	0
		1	Thôn Thanh Trường		X	
		2	Thôn Quảng Trường		X	
		3	Thôn Tiên Lương		X	
		4	Thôn Quảng Liên		X	
		5	Thôn Tiên Lang		X	
		6	Thôn Phú Nhuận		X	
		7	Thôn Cảnh Hóa		X	
		8	Thôn Phù Cảnh		X	
		9	Thôn Phù Ninh		X	
13	Xã Đồng Lê		16	0	16	1
		1	Thôn Sơn Hóa		X	
		2	Thôn Đồng Xuân		X	
		3	Thôn Tam Đa		X	
		4	Thôn Đồng Văn		X	
		5	Thôn Đồng Tiến		X	
		6	Thôn Đồng Tân		X	
		7	Thôn Yên Xuân		X	
		8	Thôn Lê Hóa		X	
		9	Thôn Thượng Phong		X	
		10	Thôn Thuận Hóa		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Đồng Lào		X	X
		12	Thôn Tân Thủy		X	
		13	Thôn Trung Ninh		X	
		14	Thôn Kim Lũ		X	
		15	Thôn Ba Tâm		X	
		16	Thôn Kim Lịch		X	
14	Xã Phong Nha		19	1	19	1
		1	Thôn Xuân Sơn		X	
		2	Thôn Gia Tĩnh		X	
		3	Thôn Cù Lạc 1		X	
		4	Thôn Sơn Trạch		X	
		5	Thôn Chày Lập		X	
		6	Thôn Phúc Đồng		X	
		7	Thôn Phúc Trạch		X	
		8	Thôn Phúc Khê 1		X	
		9	Thôn Phúc Khê 2		X	
		10	Thôn Thanh Sen		X	
		11	Thôn Lâm Trạch 1		X	
		12	Thôn Lâm Trạch 2		X	
		13	Thôn Khe Gát		X	
		14	Thôn Xuân Trạch		X	
		15	Thôn Ngọn Rào		X	
		16	Thôn Cù Lạc 2		X	
		17	Thôn Phong Nha		X	
		18	Thôn Na		X	
		19	Bản Rào Con	X	X	X
15	Xã Bắc Trạch		13	0	13	1
		1	Thôn Bình Minh		X	
		2	Thôn Mỹ Trung		X	
		3	Thôn Trường Lưu		X	
		4	Thôn Hạ Trạch		X	
		5	Thôn Quang Vinh		X	
		6	Thôn Quyết Tiến		X	
		7	Thôn Phú Kinh		X	
		8	Thôn Liên Trạch		X	
		9	Thôn Thanh Khê		X	
		10	Quyết Thắng		X	
		11	Thôn Tiên Phong		X	
		12	Thôn Thanh Vinh		X	
		13	Thôn Tân Hội		X	X
16	Xã Bồ Trạch		13	0	13	0
		1	Thôn Cự Nẫm		X	
		2	Thôn Tân Nẫm		X	
		3	Thôn Sen Nẫm		X	
		4	Thôn Khương Sơn		X	
		5	Thôn Phú Định		X	
		6	Thôn Phú Thịnh		X	
		7	Thôn Hưng Trạch		X	
		8	Thôn Khương Hà		X	
		9	Thôn Bồng Lai		X	
		10	Thôn Thanh Hưng		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		11	Thôn Thanh Bình		X	
		12	Thôn Cổ Giang		X	
		13	Thôn Gia Hưng (được đổi tên		X	
17	Xã Hòa Trạch		10	0	10	0
		1	Thôn Châu Hòa		X	
		2	Thôn Tùng Lý		X	
		3	Thôn Quảng Châu		X	
		4	Thôn Quảng Tùng		X	
		5	Thôn Cảnh Dương		X	
		6	Thôn Tiền Tiến		X	
		7	Thôn Trung Minh		X	
		8	Thôn Phúc Kiều		X	
		9	Thôn Sơn Tùng		X	
		10	Thôn Tân Cảnh		X	
18	Xã Đông Trạch		6	0	6	0
		1	Thôn Tân Thanh		X	
		2	Thôn Sơn Lộc		X	
		3	Thôn Hỷ Duyệt		X	
		4	Thôn Phú Trạch		X	
		5	Thôn Thuận Phú		X	
		6	Thôn Tân Lý		X	
19	Xã Nam Trạch		6	1	6	1
		1	Thôn Nam Đình		X	
		2	Thôn Phú Quý		X	
		3	Thôn Việt Trung		X	
		4	Thôn Bắc Đình		X	
		5	Thôn Đông Tây Thành		X	
		6	Bản Khe Ngát	X	X	X
20	Xã Phú Trạch		14	0	14	0
		1	Thôn Quảng Hợp		X	
		2	Thôn Phú Hạ		X	
		3	Thôn Kim Sơn		X	
		4	Thôn Quảng Kim		X	
		5	Thôn Phú Lộc		X	
		6	Thôn Quảng Phú		X	
		7	Thôn 19-5		X	
		8	Thôn Bưởi Rỏi		X	
		9	Thôn Thanh Xuân		X	
		10	Thôn Kim Long (được đổi tên		X	
		11	Thôn Nam Lãnh		X	
		12	Thôn Thọ Sơn		X	
		13	Thôn Minh Sơn		X	
		14	Thôn Vịnh Sơn		X	
21	Xã Trung Thuận		8	0	8	0
		1	Thôn Sơn Thạch		X	
		2	Thôn Minh Thạch		X	
		3	Thôn Vân Tiên		X	
		4	Thôn Tam Đa		X	
		5	Thôn Phù Lưu		X	
		6	Thôn Văn Hà		X	
		7	Thôn Hải Lưu		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8	Thôn Hà Tiến		X	
22	Xã Trường Sơn		15	11	15	11
		1	Thôn Trường Xuân		X	
		2	Thôn Kim Sen		X	
		3	Thôn Kim Phú	X	X	X
		4	Thôn Long Xuân		X	
		5	Thôn Tân Hồng		X	
		6	Bản Trường Lâm	X	X	X
		7	Bản Xuân Tiến	X	X	X
		8	Bản Trung Sơn	X	X	X
		9	Bản Rào Tràng	X	X	X
		10	Bản Bến Tiêm	X	X	X
		11	Bản Ploang - Rìn Rìn	X	X	X
		12	Bản Đoàn Kết	X	X	X
		13	Bản Sắt	X	X	X
		14	Bản Khe Cát	X	X	X
		15	Bản Dốc Mây	X	X	X
23	Xã Kim Ngân		13	12	13	12
		1	Bản Kim Thủy	X	X	X
		2	Bản Bang	X	X	X
		3	Bản An Bai	X	X	X
		4	Bản Làng Ho	X	X	X
		5	Bản Lâm Thủy	X	X	X
		6	Bản Tăng Ký	X	X	X
		7	Bản Ngân Thủy	X	X	X
		8	Bản Ngân Tiến	X	X	X
		9	Bản Cò Kiềng		X	
		10	Bản Còi Đá	X	X	X
		11	Bản Khe Giữa	X	X	X
		12	Bản Eo Bù - Chút Mút	X	X	X
		13	Bản Bạch Đàn	X	X	X
24	Xã Tân Mỹ		9	0	9	0
		1	Thôn Minh Tiến		X	
		2	Thôn Hồng Thái		X	
		3	Thôn Thái Thủy		X	
		4	Thôn Tiên Phong		X	
		5	Thôn Đông Nam		X	
		6	Thôn Dương Thủy		X	
		7	Thôn Mỹ Trạch		X	
		8	Thôn Thống Nhất		X	
		9	Thôn Mỹ Hà		X	
25	Xã Trường Phú		5	0	5	0
		1	Thôn Trường Thủy		X	
		2	Thôn Văn Thủy		X	
		3	Thôn An Sinh		X	
		4	Thôn Tam Hương		X	
		5	Thôn Phú Hòa		X	
26	Xã Nam Ba Đồn		1	0	1	0
		1	Thôn Tân Sơn		X	
27	Xã Hướng Lập		4	4	4	4

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		1	Thôn Tà Rùng	X	X	X
		2	Thôn A Xóc - Cha Lý	X	X	X
		3	Thôn Cuôi - Tri	X	X	X
		4	Thôn Cù Bai	X	X	X
28	Xã Hướng Phùng		11	11	11	9
		1	Thôn Hướng Linh	X	X	X
		2	Thôn Cooc	X	X	X
		3	Thôn Kọp	X	X	
		4	Thôn Xa Ry	X	X	
		5	Thôn Phùng Lâm	X	X	X
		6	Thôn Cheng	X	X	X
		7	Thôn Doa Mã Lai	X	X	X
		8	Thôn Hướng Sơn	X	X	X
		9	Thôn Hồ Mới	X	X	X
		10	Thôn Cát Trĩa	X	X	X
		11	Thôn Miệt (được đổi tên từ	X	X	X
29	Xã Lìa		7	7	7	7
		1	Thôn Tân Thuận	X	X	X
		2	Thôn Thuận phú	X	X	X
		3	Thôn Thanh Hòa	X	X	X
		4	Thôn Thanh Mới	X	X	X
		5	Thôn A Túc	X	X	X
		6	Thôn Tam Hòa	X	X	X
		7	Thôn A Xing	X	X	X
30	Xã A Dơi		6	6	6	6
		1	Thôn Xy	X	X	X
		2	Thôn A Dơi Đór	X	X	X
		3	Thôn A Dơi Cô	X	X	X
		4	Thôn Măng Sông	X	X	X
		5	Thôn Trùm	X	X	X
		6	Thôn Ba Tầng	X	X	X
31	Xã Lao Bảo		12	4	12	4
		1	Thôn Triệu Phước		X	
		2	Thôn Tân Kim	X	X	X
		3	Thôn Tân Phước		X	
		4	Thôn Ka Tăng	X	X	X
		5	Thôn Tân Thành	X	X	X
		6	Thôn Triệu Thành		X	
		7	Thôn Tân Long		X	
		8	Thôn Triệu Long		X	
		9	Thôn Làng Vây	X	X	X
		10	Thôn Vĩnh Đông		X	
		11	Thôn Trung Chín		X	
		12	Thôn Tây Chín		X	
32	Xã Khe Sanh		16	9	16	7
		1	Thôn 5	X	X	
		2	Thôn Trầm	X	X	X
		3	Thôn Ván Ri	X	X	X
		4	Thôn Ta Rùng	X	X	X
		5	Thôn Ruộng	X	X	X
		6	Thôn Quyết Tâm		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7	Thôn Lương Lễ	X	X	
		8	Thôn 1		X	
		9	Thôn 2		X	
		10	Thôn 3A		X	
		11	Thôn 3B		X	
		12	Thôn 4		X	
		13	Thôn Ta Cu	X	X	X
		14	Thôn Ho Le	X	X	X
		15	Thôn Tân Xuyên		X	
		16	Thôn Xa Rường	X	X	X
33	Xã Tân Lập		9	5	9	5
		1	Thôn Bù Vây	X	X	X
		2	Thôn Cồn Cheng	X	X	X
		3	Thôn Hướng Lộc	X	X	X
		4	Thôn Ta Xía	X	X	X
		5	Thôn Cu Ty	X	X	X
		6	Thôn Thuận Tài		X	
		7	Thôn Trung Sơn		X	
		8	Thôn Tân Liên		X	
		9	Thôn Phú Hoà		X	
34	Xã La Lay		5	5	5	5
		1	Thôn Ty Nê	X	X	X
		2	Thôn A Rong	X	X	X
		3	Thôn A Bung	X	X	X
		4	Thôn La Lay	X	X	X
		5	Thôn A Ngo	X	X	X
35	Xã Tà Rụt		8	8	8	8
		1	Thôn Húc Nghi	X	X	X
		2	Thôn A Liêng	X	X	X
		3	Thôn A Đẳng	X	X	X
		4	Thôn Tà Rụt	X	X	X
		5	Thôn A Vao	X	X	X
		6	Thôn Tân Đi	X	X	X
		7	Thôn Cựp	X	X	X
		8	Thôn Pa Ling	X	X	X
36	Xã Đakrông		11	11	11	11
		1	Thôn Làng Cát	X	X	X
		2	Thôn Klu	X	X	X
		3	Thôn Chân Rò	X	X	X
		4	Thôn Xa Lăng	X	X	X
		5	Thôn Pa Nang	X	X	X
		6	Thôn Sa Trầm	X	X	X
		7	Thôn Ra Poong	X	X	X
		8	Thôn Pa Hy	X	X	X
		9	Thôn Ly Tôn	X	X	X
		10	Thôn Pa Ngày	X	X	X
		11	Thôn Trại Cá	X	X	X
37	Xã Ba Lòng		5	2	5	2
		1	Thôn Đá Nổi		X	
		2	Thôn Hải Phúc	X	X	X
		3	Thôn Triệu Nguyên		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN		Thôn thuộc vùng		Thôn đặc biệt khó khăn
				Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		4	Thôn Mai Sơn	X	X	X
		5	Thôn Hà Lương		X	
38	Xã Hướng Hiệp		9	8	9	8
		1	Thôn 1	X	X	X
		2	Thôn 2		X	
		3	Thôn Đồng Phú	X	X	X
		4	Thôn Phú Thiêng	X	X	X
		5	Thôn A Rông	X	X	X
		6	Thôn Phú An	X	X	X
		7	Thôn Ruộng	X	X	X
		8	Thôn Khe Van (được đổi tên	X	X	X
		9	Thôn Gia Giã	X	X	X
39	Xã Cam Lộ		9	0	9	0
		1	Thôn Tân Lâm		X	
		2	Thôn Cam Thành		X	
		3	Thôn Cam Lộc		X	
		4	Thôn Tân Sở		X	
		5	Thôn Cam Chính		X	
		6	Thôn Cam Sơn		X	
		7	Thôn An Sơn		X	
		8	Thôn Cam Nghĩa		X	
		9	Thôn Tân Nghĩa		X	
40	Xã Hiếu Giang		4	1	4	0
		1	Thôn Tân Tuyên		X	
		2	Thôn Cam Tuyên		X	
		3	Thôn An Tuyên		X	
		4	Thôn Bản Chùa	X	X	
41	Xã Cồn Tiên		6	3	6	3
		1	Thôn Khe Me	X	X	X
		2	Thôn Linh Thượng	X	X	X
		3	Thôn Vĩnh Trường	X	X	X
		4	Thôn Hải Thái		X	
		5	Thôn Hải An		X	
		6	Thôn An Phú		X	
42	Xã Bến Quan		10	6	10	6
		1	Thôn Vĩnh Ô	X	X	X
		2	Thôn Lền	X	X	X
		3	Thôn Mít	X	X	X
		4	Thôn Vĩnh Khê	X	X	X
		5	Thôn Bãi Hà	X	X	X
		6	Thôn Vĩnh Hà		X	
		7	Thôn Bến Tiên		X	
		8	Thôn Đoàn Kết		X	
		9	Thôn Quyết Thắng		X	
		10	Thôn Xung Phong	X	X	X